

Ninh Bình, ngày 26 tháng 02 năm 2018

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

Thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành
Trung ương Đảng (khóa XII) về công tác dân số trong tình hình mới



Thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về công tác dân số trong tình hình mới (sau đây gọi tắt là *Nghị quyết 21-NQ/TW*), Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết với những nội dung sau:

I. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG

Trong thời gian qua, công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình (DS-KHHGD) của tỉnh nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền; sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, các tổ chức, đoàn thể xã hội từ tỉnh đến cơ sở đã tạo môi trường thuận lợi về chính sách, nguồn lực, các chương trình, các đề án được triển khai đồng bộ có hiệu quả; công tác truyền thông, tư vấn vận động được tổ chức thường xuyên, liên tục, từ đó đã nâng cao nhận thức và chuyển đổi hành vi của nhân dân trong việc thực hiện các chủ trương của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác DS-KHHGD, góp phần thực hiện, hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu kế hoạch được giao.

Bên cạnh kết quả đạt được, công tác dân số còn một số hạn chế, tồn tại là: Mất cân bằng giới tính khi sinh còn cao và có xu hướng tăng, mức giảm sinh giữa các vùng không đồng đều, tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên ở một số địa phương còn cao, bình đẳng giới và chăm sóc sức khỏe sinh sản chưa được quan tâm đúng mức, chất lượng dân số nhìn chung còn thấp, cơ cấu dân số đang chuyển dần từ cơ cấu dân số trẻ sang cơ cấu dân số già.

Nguyên nhân của những hạn chế yếu kém trên là: Sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy, chính quyền cơ sở ở một số nơi thiếu thường xuyên, thiếu sâu sát và thiếu quyết liệt; công tác truyền thông, tư vấn ở một số nơi, đặc biệt vùng sâu, vùng xa chưa có phương pháp, hình thức tổ chức chưa linh hoạt, phù hợp nên chưa tạo được sự chuyển biến sâu sắc về nhận thức của người dân; tư tưởng muôn sinh thêm con, có con trai vẫn còn nặng nề ở một số nơi; cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản (SKSS) - KHHGD ở một số nơi nhất là vùng sâu, vùng khó khăn chưa đáp ứng được nhu cầu đa dạng của người dân. Bên cạnh đó, ngân sách của Trung ương và của tỉnh đầu tư cho công tác DS-KHHGD còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ.

II. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2030

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển dân số với quy mô, cơ cấu, phân bố phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh và của từng địa phương trong từng thời kỳ. Duy trì mức sinh thay thế; đưa tỉ số giới tính khi sinh về gần với mức cân bằng tự nhiên; tiếp tục tận dụng triệt để, hiệu quả cơ cấu dân số vàng, nâng cao chất lượng dân số góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhanh và bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể

- Duy trì vững chắc mức sinh thay thế (bình quân mỗi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ có 2,1 con), quy mô dân số 1,1 triệu người.

- Bảo vệ, phát triển và nâng cao chất lượng dân số dân tộc Mường trên địa bàn.

- Mọi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ đều được tiếp cận thuận tiện với các biện pháp tránh thai hiện đại; giảm 2/3 số vị thành niên và thanh niên có thai ngoài ý muốn.

- Tỉ số giới tính khi sinh dưới 109 bé trai/100 bé gái sinh ra sống; tỷ lệ trẻ em dưới 15 tuổi đạt khoảng 19%; tỷ lệ người từ 65 tuổi trở lên đạt khoảng 14%; tỷ lệ phụ thuộc chung đạt khoảng 49%.

- Tỷ lệ nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn đạt 90%; 70% phụ nữ mang thai được tầm soát ít nhất 4 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất; 90% trẻ sơ sinh được tầm soát ít nhất 5 bệnh bẩm sinh phổ biến nhất.

- Tuổi thọ bình quân đạt 75 tuổi; 100% người cao tuổi có thẻ bảo hiểm y tế, 95% người cao tuổi được quản lý sức khỏe, được khám, chữa bệnh, được chăm sóc tại gia đình, cộng đồng, cơ sở chăm sóc tập trung.

- Tỷ lệ dân số đô thị đạt trên 43%.

- 100% dân số được đăng ký, quản lý trong hệ thống cơ sở dữ liệu dân cư thống nhất trên quy mô toàn quốc.

III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp

- Đưa công tác dân số, đặc biệt là nâng cao chất lượng dân số thành một nội dung trọng tâm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp; bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương, đồng thời thực hiện quản lý chuyên môn thống nhất.

- Tăng cường phối hợp liên ngành, phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và của cả cộng đồng trong công tác dân số. Phân công trách nhiệm cụ thể, rõ ràng đối với từng ngành, từng cơ quan, đoàn thể trong thực hiện các mục tiêu, giải pháp; nhất là trong việc thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động về công tác dân số, thực hiện nếp sống văn minh, xây dựng môi trường sống lành mạnh, nâng cao sức khỏe và đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

- Đưa các chỉ tiêu về nâng cao chất lượng dân số vào nghị quyết, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, địa phương; thực hiện lồng ghép có hiệu quả các yếu tố dân số trong các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của từng ngành, từng địa phương nhằm phát huy tối đa lợi thế dân số vàng, thích ứng với già hóa dân số.

- Đưa nội dung “thực hiện tốt chủ trương, chính sách về công tác dân số, chú trọng nuôi dạy con tốt, gia đình hạnh phúc” vào tiêu chí đánh giá cán bộ, đảng viên; căn cứ vào tình hình cụ thể có các hình thức tuyên dương, khen thưởng kịp thời đối với các tập thể cá nhân tiêu biểu, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong toàn xã hội.

2. Đổi mới nội dung tuyên truyền, vận động về công tác dân số

- Đổi mới mạnh mẽ nội dung truyền thông dân số, tập trung vào các nội dung trọng tâm: Chuyển từ chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển; giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh và khuyến khích luyện tập thể dục, thể thao, có lối sống lành mạnh, chế độ dinh dưỡng hợp lý để nâng cao sức khỏe tầm vóc, thể lực, phát triển trí tuệ.

- Đổi mới công tác vận động dân số bằng các hình thức mới, hiệu quả, phù hợp với từng vùng, từng địa phương nhằm tiếp tục khuyến khích mỗi cặp vợ chồng nên sinh 2 con, bảo đảm quyền và trách nhiệm trong việc sinh con và nuôi dạy con tốt. Việc vận động giảm sinh phải thường xuyên, đồng bộ, chú trọng những địa phương có mức sinh cao trong giai đoạn vừa qua.

- Đổi mới toàn diện nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản trong và ngoài nhà trường theo định hướng của Trung ương, hình thành kiến thức và kỹ năng về dân số, sức khỏe sinh sản đúng đắn, có hệ thống ở thế hệ trẻ.

3. Phát triển mạng lưới và nâng cao chất lượng dịch vụ về dân số

- Tổ chức cung cấp dịch vụ dân số toàn diện, phù hợp với từng vùng và với quy mô, cơ cấu và chất lượng dân số từng địa phương; chú trọng sự sẵn có dịch vụ tại các vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa, các xã có điều kiện kinh tế khó khăn theo Quyết định số 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn, các xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn 2017-2020 và các xã bãi ngang ven biển tại huyện Kim Sơn.

- Chú trọng nâng cao chất lượng dân số thông qua cung cấp các dịch vụ tầm soát, chẩn đoán sớm bệnh tật trước sinh, sơ sinh, hỗ trợ sinh sản, tư vấn kiểm tra sức khỏe sinh sản trước hôn nhân.

- Khuyến khích hình thành và phát triển các cơ sở chăm sóc người cao tuổi, cơ sở cung cấp các loại hình dịch vụ đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, văn hóa, thể dục thể thao, dưỡng sinh, giải trí của người cao tuổi.

- Quan tâm đến các nhóm dân số đặc thù như trẻ em, người khuyết tật, người bị di chứng chiến tranh, người cao tuổi, đồng bào dân tộc ít người... trong

việc phát triển các cơ sở cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản nhằm giúp các nhóm này được bình đẳng trong cơ hội tiếp cận các dịch vụ.

- Tăng cường quản lý, kết nối, hợp tác với các cơ sở cung cấp dịch vụ ngoài công lập trong việc cung cấp dịch vụ dân số.

- Khuyến khích sự tham gia của hệ thống tư nhân trong cung cấp dịch vụ về dân số nhằm tăng khả năng tiếp cận đối với mọi người dân.

- Lồng ghép các nội dung về nâng cao chất lượng dân số và thực hiện chủ trương, chính sách về dân số vào kế hoạch phát triển của từng ngành, từng lĩnh vực.

4. Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ dân số và bảo đảm nguồn lực cho công tác dân số

- Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác dân số theo hướng tinh gọn, hiệu quả đặc biệt là tại tuyến xã; thực hiện mô hình trạm y tế xã vừa làm nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu vừa quản lý sức khỏe người dân trong xã và công tác dân số; nghiên cứu sáp nhập Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình của huyện vào Trung tâm Y tế huyện; có chính sách đãi ngộ thoả đáng, nâng cao hiệu quả hoạt động của đội ngũ cộng tác viên ở thôn, bản, tổ dân phố...

- Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, thực hiện chuẩn hóa đội ngũ cán bộ dân số các cấp, các ngành đáp ứng yêu cầu chuyển hướng sang chính sách dân số và phát triển.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, cung cấp dịch vụ công tác dân số. Cung cấp, dự báo số liệu đầy đủ, kịp thời, tin cậy nhằm lồng ghép các yếu tố dân số trong xây dựng và thực hiện các quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và các cấp, các ngành.

- Bảo đảm đủ nguồn lực đáp ứng yêu cầu triển khai toàn diện công tác dân số. Ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước cho công tác dân số, công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe giáo dục, đào tạo, văn hóa, thể thao... nhằm nâng cao chất lượng dân số, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, nhất là đối tượng chính sách, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đồng thời, đẩy mạnh xã hội hóa trong phân phối, cung cấp các phương tiện, dịch vụ trong lĩnh vực dân số.

5. Tăng cường hợp tác quốc tế

Tranh thủ hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo và tài chính của các nước, các tổ chức quốc tế để triển khai toàn diện công tác dân số trên địa bàn tỉnh. Tạo môi trường thuận lợi cho các tổ chức quốc tế hoạt động trên cơ sở đảm bảo các quy định của pháp luật.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ Chương trình hành động này, Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo UBND tỉnh xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện có hiệu quả.

Thường xuyên kiểm tra, định kỳ hàng năm báo cáo, tham mưu cho Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh sơ kết, tổng kết việc thực hiện.

2. Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc trên cơ sở Chương trình hành động và kế hoạch của UBND tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện, xây dựng các chương trình, kế hoạch thực hiện phù hợp.

3. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chỉ đạo các cơ quan truyền thông của tỉnh xây dựng kế hoạch tuyên truyền nội dung Chương trình hành động; cùng với các cơ quan tham mưu giúp việc của Tỉnh ủy thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, nắm bắt tình hình, tổng hợp kết quả thực hiện, báo cáo về Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, khó khăn; các cơ quan, đơn vị, các tổ chức đảng kịp thời báo cáo, đề xuất Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./. *Per*

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương (để báo cáo);
- Ban Tuyên giáo Trung ương (để báo cáo);
- Ban Kinh tế Trung ương (để báo cáo);
- Các đồng chí Ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh;
- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn ở tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể ở tỉnh;
- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc;
- Lưu VPTU.

T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ



Nguyễn Thị Thanh